

## MÔ TẢ TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO THEO CHUẨN ĐẦU RA CỦA SINH VIÊN NGÀNH Y KHOA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Lê Xuân Hưng

*Phòng Quản lý Khoa học, Bộ môn Y Vật lý, Trường Đại học Y Dược Thái Bình*

**Tóm tắt.** Khảo sát tự đánh giá kết quả đào tạo theo chuẩn đầu ra của sinh viên năm cuối ngành y khoa tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình, năm học 2018 – 2019. Nghiên cứu được tiến hành qua cuộc điều tra cắt ngang trên 529 sinh viên. Kết quả cho thấy: sinh viên tự đánh giá 23 chỉ tiêu đạt yêu cầu trên 33 kĩ năng theo chuẩn năng lực đầu ra. Qua đó, tác giả đưa ra một số khuyến nghị đề nâng cao chất lượng sinh viên tốt nghiệp, đạt chuẩn đầu ra và đáp ứng với nhu cầu của xã hội.

**Từ khóa:** tự đánh giá, sinh viên, sinh viên y khoa, chuẩn đầu ra.

### 1. Mở đầu

Hiện nay, công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học đã được hình thành và triển khai hoạt động rộng rãi ở các cơ sở giáo dục tại Việt Nam. Thông qua các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học được ban hành làm công cụ để trường đại học tự đánh giá nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và để giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng đào tạo; để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận trường đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục; để người học có cơ sở lựa chọn trường và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực [1, 2].

Chất lượng giáo dục đại học được nâng cao biểu hiện qua nhiều vấn đề trong đó có kiểm tra đánh giá và có thể coi việc đánh giá như là giải pháp để phát triển năng lực cho sinh viên cũng như một phần của chuẩn đầu ra trong đào tạo. Những giải pháp được đề xuất là: Đổi mới xây dựng đề cương chi tiết môn học theo hướng tiếp cận năng lực; Tích hợp hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo tiến trình sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập; Sử dụng tiêu chí vừa làm căn cứ đánh giá mức độ sinh viên hoàn thành các nhiệm vụ học tập trong môn học vừa làm công cụ định hướng sự thể hiện năng lực của sinh viên; Kết hợp sử dụng linh hoạt mô hình đánh giá kết quả học tập theo truyền thống và theo định hướng phát triển năng lực sinh viên trong đào tạo theo tín chỉ [3]. Hoạt động đánh giá giúp cơ sở đào tạo, đặc biệt là khoa chuyên môn thấy rõ được những điểm mạnh và điểm yếu trong năng lực của sinh viên về các mặt kiến thức, kĩ năng và thái độ. Kết quả đánh giá là một kênh tham khảo tích cực trong quá trình điều chỉnh chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục [4].

Tự đánh giá là một khâu hiệu quả và quan trọng đối với việc đánh giá cả quá trình học. Một khi người học có thể tự đánh giá chính việc học của mình và nền tảng kiến thức của họ đang có thì họ có thể nhận ra những lỗ hổng trong kiến thức của bản thân, nhờ đó mà quá trình học hiệu quả hơn, khuyến khích sự tiến bộ của người học và góp phần vào việc tự điều chỉnh quá trình tự

---

Ngày nhận bài: 7/7/2020. Ngày sửa bài: 20/7/2020. Ngày nhận đăng: 10/8/2020.

Tác giả liên hệ: Lê Xuân Hưng. Địa chỉ e-mail: [hunglx@tbump.edu.vn](mailto:hunglx@tbump.edu.vn)

học [5]. Đối với các trường đào tạo khối ngành khoa học sức khỏe nói chung và ngành y khoa nói riêng thì việc sinh viên có khả năng tự đánh giá năng lực của bản thân là rất quan trọng. Nhận thức được tầm quan trọng này, tác giả đã triển khai nghiên cứu về hoạt động tự đánh giá trước khi tốt nghiệp của sinh viên đối với chuẩn đầu ra có thêm thông tin nhằm đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, từ đó thấy được điểm mạnh, điểm yếu và đề xuất biện pháp, giải pháp nâng cao chất lượng sinh viên tốt nghiệp, đảm bảo chuẩn đầu ra và đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng, sử dụng lao động.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên năm cuối của mã ngành đào tạo bác sĩ đa khoa tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình, năm học 2018-2019. Tiêu chuẩn loại trừ đối tượng nghiên cứu: Sinh viên hệ liên thông, Lưu học sinh; Sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 4/2019 – 5/2019.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: Đề tài được thực hiện theo thiết kế nghiên cứu mô tả qua cuộc điều tra cắt ngang.

- Cỡ mẫu được tính theo công thức:  $n = Z_{(1-\frac{\alpha}{2})}^2 \cdot \frac{p(1-p)}{d^2}$

Trong đó: với độ tin cậy  $\alpha=95\%$  thì  $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ ;  $d = 0,05$  - là độ chính xác tương đối; lấy  $p = 0,5$  để đạt cỡ mẫu lớn nhất.

Thay vào công thức tính được cỡ mẫu tối thiểu cần lấy là 384 đối tượng nghiên cứu. Thực tế nghiên cứu thu nhận được 529 phiếu đạt yêu cầu để đưa vào phân tích kết quả, đặc điểm của mẫu nghiên cứu được thể hiện trong Bảng 1.

**Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n= 529)**

Đặc điểm	Số lượng	Tỉ lệ (%)
<b>Tuổi</b>		
24	365	69,0
25	133	25,1
26	20	3,8
27-30	11	2,1
<b>Giới</b>		
Nam	182	34,4
Nữ	347	65,6
<b>Dân tộc</b>		
Kinh	451	85,3
Thiểu số	78	14,7

- Dựa trên công bố về chuẩn đầu ra ngành Y dược của Trường Đại học Y Dược Thái Bình [6], nhóm nghiên cứu xây dựng bộ câu hỏi khảo sát gồm 33 biên thuộc 4 nhóm chuẩn kỹ năng mà sinh viên cần phải đạt được sau khi hoàn thành khóa học là:

- + Chuẩn đầu ra về kiến thức gồm 14 câu hỏi.
- + Chuẩn đầu ra về kỹ năng chăm sóc người bệnh gồm 7 câu hỏi.
- + Chuẩn đầu ra về kỹ năng giao tiếp và cộng tác gồm 7 câu hỏi.

+ Chuẩn đầu ra về thái độ nghề nghiệp gồm 5 câu hỏi.

- Sinh viên tự đánh giá kết quả đào tạo thông qua sử dụng thang đo Likert 5 mức độ, từ “hoàn toàn không đồng ý” đến “đồng ý”, Với mức điểm cao nhất là 5 điểm, thấp nhất là 1 điểm. Giá trị khoảng cách = (Maximum – Minimum)/n = (5-1)/5 = 0,8

Ý nghĩa các mức như sau:

1,00 – 1,80: Hoàn toàn không đồng ý / Hoàn toàn không tự tin

1,81 – 2,60: Không đồng ý một phần / Không tự tin

2,61 – 3,40: Bình thường / Trung bình

3,41 – 4,20: Đồng ý / Tự tin

4,21 – 5,00: Hoàn toàn đồng ý / Hoàn toàn tự tin

- Nghiên cứu sơ bộ: Chọn ngẫu nhiên 10 sinh viên phỏng vấn dựa trên bảng hỏi đã được chuẩn bị trước.

- Hoàn thiện phiếu điều tra: Từ những thông tin trong quá trình nghiên cứu sơ bộ, phiếu điều tra được chỉnh sửa cho phù hợp và hoàn chỉnh hơn.

- Phương pháp thu thập thông tin: Mỗi đối tượng điều tra được phát 01 bộ phiếu hỏi tự điền. Cán bộ điều tra khi phát phiếu sẽ đồng thời giải thích về mục đích của nghiên cứu và hướng dẫn đối tượng điều tra cách điền phiếu. Các đối tượng điều tra điền đầy đủ thông tin vào bộ phiếu điều tra. Các phiếu trả lời sẽ được cán bộ điều tra thu thập lại.

### 2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Làm sạch số liệu để hạn chế lỗi sau điều tra và nhập số liệu. Nhập số liệu bằng phần mềm Epi Data 3.1, sau đó số liệu được chuyển sang Stata 12.0 để phân tích.

### 2.4. Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu

- Sự tham gia của tất cả các đối tượng vào nghiên cứu hoàn toàn mang tính tự nguyện và mọi thông tin về đối tượng nghiên cứu được giữ bí mật.

- Các dữ liệu, thông tin thu thập trong các báo cáo được cam kết dùng cho mục đích nghiên cứu mà không phục vụ cho bất kỳ một mục đích nào khác.

### 2.5. Kết quả nghiên cứu

Bác sĩ Đa khoa còn được gọi là “bác sĩ tổng quát” điều trị các bệnh mãn và cấp tính, đưa ra các biện pháp phòng bệnh, hướng dẫn phục hồi sức khỏe và kê thuốc cho bệnh nhân. Việc chuẩn đoán của bác sĩ đa khoa không hạn chế vào một cơ quan cụ thể trên cơ thể mà có thể khám và điều trị nhiều vấn đề sức khỏe mắc phải cho bệnh nhân. Do đó, bác sĩ Đa khoa được đào tạo toàn diện. Sinh viên theo học chuyên ngành này được học các kiến thức đại cương và kiến thức cơ sở ngành như: *Giải phẫu học, Mô phôi, Sinh lý học, Hóa sinh, Sinh lý bệnh, Dược lý, Miễn dịch, Sức khỏe môi trường, Dinh dưỡng, Vệ sinh an toàn thực phẩm, Kỹ năng giao tiếp,...* và sau đó sẽ được học các kiến thức chuyên sâu về: *y học lâm sàng, y học hiện đại, y học cổ truyền, nội da liễu, ngoại nội tiết, huyết học, Nhi tâm thần, Nhiễm lao - Bệnh phổi, Nội thần kinh, Ngoại thần kinh, Tai - Mũi - Họng, Chấn thương Chỉnh hình mắt, Ung thư, Dược học cổ truyền, Dưỡng sinh, Châm cứu, Bệnh học, Chẩn đoán hình ảnh...* Trải qua thời gian đào tạo khoảng 6 năm, sinh viên tốt nghiệp sẽ trở thành bác sĩ **Đa khoa**. Sau khi tốt nghiệp, muốn theo chuyên khoa nào thì phải học thêm 1 năm định hướng theo chuyên khoa đã tự chọn.

Kết quả nghiên cứu được thể hiện tại bảng 2 cho thấy: việc ứng dụng kiến thức các môn khoa học cơ bản như sinh học, vật lý, hóa học, sinh lý học để giải thích các hiện tượng sức khỏe không được nhiều sinh viên bày tỏ sự tự tin. Các đối tượng nghiên cứu cũng ít tự tin với việc ứng dụng các môn y học cơ sở như: giải phẫu, mô phôi, vi sinh... vào công tác chăm sóc người bệnh. Với chuyên ngành y khoa, các sinh viên được đào tạo theo định hướng chuyên sâu vào

công tác khám bệnh, điều trị cho từng cá thể bệnh nhân so với công tác phòng bệnh cho cả cộng đồng. Vì vậy kết quả đào tạo về việc ứng dụng phương pháp dịch tễ học trong thực hành chăm sóc người bệnh và cộng đồng cũng không phải là thế mạnh của sinh viên ngành y khoa (Mean:  $3,30 \pm 0,77$ ). Chuyên ngành y khoa cũng không chuyên sâu vào y học cổ truyền nên nhiều sinh viên y khoa ít tự tin với việc ứng dụng các kiến thức cơ bản về lí luận y học cổ truyền trong khám, chẩn đoán bằng y học cổ truyền, kết hợp với y học gia đình.

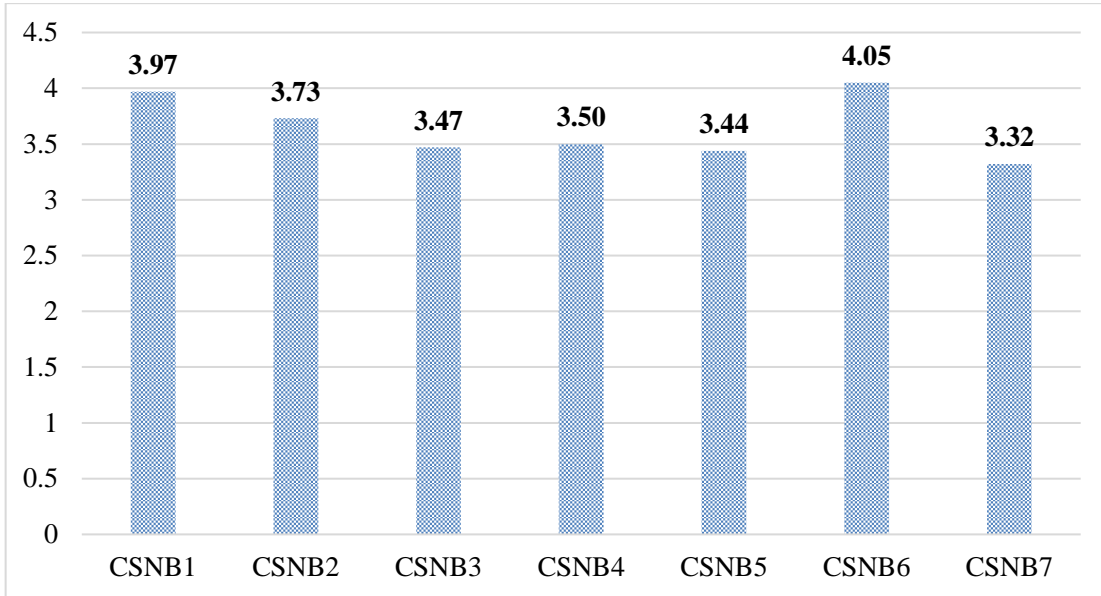
Theo chuẩn đầu ra về kiến thức của ngành y khoa, các sinh viên tự đánh giá đạt chuẩn đầu ra ở 6/14 chỉ tiêu, 8 chỉ tiêu còn lại sinh viên tự đánh giá ở mức độ trung bình với điểm đánh giá nằm ở cận trên của ngưỡng trung bình. Hiện nay, Trường Đại học Y Dược Thái Bình là một trong các cơ sở giáo dục tham gia vào dự án “Giáo dục và Đào tạo nhân lực y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế” (HPET- Health Professionals Education and Training for Health System Reforms Project) thì kết quả trên sẽ là một kênh thông tin để Nhà trường có những biện pháp, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế thông qua đổi mới tiếp cận dạy và học dựa trên năng lực và cải thiện hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục.

**Bảng 2. Tự đánh giá về kiến thức của sinh viên ngành y khoa trước khi tốt nghiệp (n=529)**

Biến đo lường	Mean	SD
Ứng dụng y học cơ bản để giải thích mối tương quan giữa các cơ quan, tổ chức chính trong cơ thể với sức khỏe, bệnh tật	3,45	0,68
Áp dụng khoa học cơ bản về miễn dịch, vi sinh, dịch tễ để giải thích cơ chế, nguyên nhân, phòng ngừa các yếu tố nguy cơ	3,41	0,64
Giải thích vai trò của các phản ứng miễn dịch khi có sự xuất hiện của tác nhân gây bệnh như: vi khuẩn, virus, nấm, ký sinh trùng	3,51	0,72
Giải thích cơ chế di truyền, ảnh hưởng của môi trường lên sức khỏe, bệnh tật và cách điều trị phù hợp	3,44	0,76
Phân tích diễn biến, tác động tâm lí, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe	3,49	0,76
Giải thích được các triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh hay gặp để chẩn đoán, chỉ định xét nghiệm, điều trị và chăm sóc người bệnh	3,60	0,78
Ứng dụng kiến thức sinh học, vật lí, hóa, sinh lí học để giải thích quá trình sinh học diễn ra ở người khỏe mạnh và bệnh lí	3,38	0,71
Ứng dụng cơ sở khoa học về sinh lí bệnh, sinh hóa vào bệnh tật và rối loạn cơ thể	3,40	0,68
Giải thích mối liên quan giữa cơ chế sinh hóa, sinh lí, miễn dịch và thần kinh trong cơ thể bình thường và bệnh lí	3,36	0,75
Ứng dụng được phương pháp dịch tễ học trong thực hành chăm sóc người bệnh và cộng đồng	3,30	0,77
Ứng dụng các kiến thức cơ bản về lí luận y học cổ truyền trong khám, chẩn đoán bằng y học cổ truyền, kết hợp với y học gia đình	2,96	0,81
Ứng dụng các nguyên lí dược học trong điều trị người bệnh	3,31	0,72
Ứng dụng nguyên lí dinh dưỡng trong chăm sóc và điều trị	3,31	0,79
Áp dụng các hình thức và sử dụng công cụ truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp trong chăm sóc người bệnh và dự phòng bệnh tật	3,40	0,87

Khi được hỏi tự đánh giá kết quả đào tạo về kĩ năng sau khi hoàn thành khóa học, kết quả nghiên cứu được thể hiện tại biểu đồ 1 cho thấy, sinh viên ngành y khoa tự tin đạt chuẩn đầu ra

đối với 6/7 kỹ năng, trong đó “Lập hồ sơ bệnh án, không phân biệt đối xử trong thăm khám và điều trị” được sinh viên tự đánh giá với điểm khá cao (Mean: 4,05 ± 0,70). Trong các kỹ năng chăm sóc người bệnh được đào tạo, các sinh viên ít bày tỏ sự tự tin trong việc phát hiện, xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình điều trị (Mean: 3,32), các kỹ năng khác được đối tượng nghiên cứu cho rằng họ có thể tự tin làm được, tuy nhiên không hoàn toàn tự tin.



**Biểu đồ 1. Tự đánh giá kết quả đào tạo về kỹ năng chăm sóc người bệnh của sinh viên ngành y khoa trước khi tốt nghiệp (n=529)**

CSNB1: Hỏi bệnh, khai thác tiền sử

CSNB2: Khám, chẩn đoán, có chỉ định lâm sàng và thăm dò chức năng phù hợp, tiên lượng, điều trị được các bệnh thông thường

CSNB3: Phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để can thiệp kịp thời, phù hợp, xử trí 1 số cấp cứu thông thường

CSNB4: Hỗ trợ người bệnh về tâm lý, thể chất, tinh thần và xã hội

CSNB5: Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn, chuyển tuyến đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm

CSNB6: Lập hồ sơ bệnh án, không phân biệt đối xử trong thăm khám và điều trị

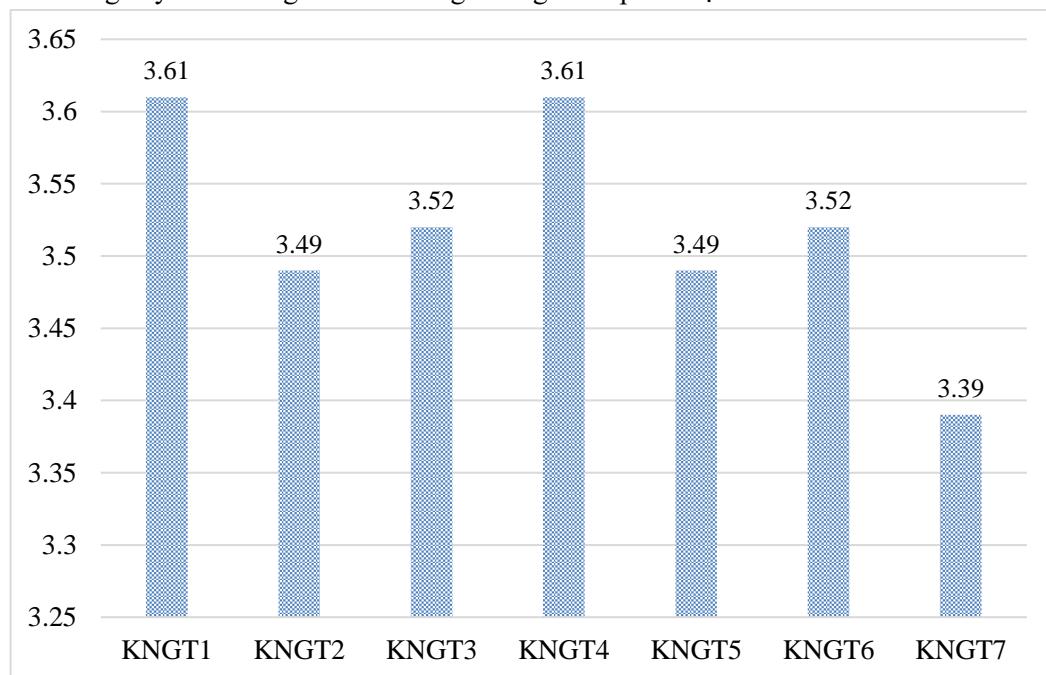
CSNB7: Phát hiện, xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình điều trị

Kết quả nghiên cứu của Phạm Thị Hạnh [7] thì các kỹ năng lâm sàng của sinh viên ngành y khoa, như: kỹ năng giao tiếp, hỏi bệnh sử và kỹ năng làm bệnh án, kỹ năng khám lâm sàng đa số sinh viên chỉ đạt ở mức trung bình, rất ít sinh viên đạt mức độ tốt. Kết quả của tác giả có sự khác biệt so với Phạm Thị Hạnh nhưng có thể giải thích rằng do thời điểm đánh giá, đối tượng khác nhau và các phương pháp áp dụng trong nghiên cứu là khác nhau.

Kết quả khảo sát tự đánh giá về kết quả đào tạo về kỹ năng giao tiếp và cộng tác được thể hiện tại biểu đồ 2 cho thấy, các sinh viên hệ y khoa nhận định tự tin với 6/7 kỹ năng giao tiếp và cộng tác được đào tạo trong trường với các giá trị Mean  $\geq 3,49$ . Bên cạnh đó “Khả năng xử lý kịp thời áp lực tinh thần, thời gian, công việc” được sinh viên tự đánh giá ở mức độ trung bình với điểm đánh giá (3,39 ± 0,85).

Nghiên cứu của Phạm Thị Hạnh [7] cũng cho thấy rằng: “việc dạy và học kỹ năng giao tiếp hiện tại của sinh viên còn hạn chế, chưa được chú trọng đúng mức, sinh viên chưa hiểu hết giá trị của kỹ năng này đối với người bệnh”; “trước khi đi bệnh viện, chúng em có được học kỹ năng

giao tiếp tại đơn vị kỹ năng y khoa, nhưng tại các bộ môn lâm sàng thầy cô ít hướng dẫn chúng em về kỹ năng này nên chúng em còn ngỡ ngàng khi giao tiếp với bệnh nhân”.



**Biểu đồ 2. Tự đánh giá kết quả đào tạo về kỹ năng giao tiếp và cộng tác của sinh viên ngành y khoa trước khi tốt nghiệp (n=529)**

*KNGT1: Giao tiếp hiệu quả để chia sẻ và đồng cảm với người bệnh*

*KNGT2: Thông báo cho bệnh nhân tình trạng sức khỏe và bệnh tật*

*KNGT3: Thảo luận hiệu quả với người bệnh về việc ra quyết định điều trị, những thuận lợi, nguy cơ của can thiệp y khoa để người bệnh đồng thuận*

*KNGT4: Thái độ thích hợp khi giao tiếp với người bệnh đặc biệt: hạn chế nghe, nhìn, nói, suy giảm trí nhớ, trẻ em, người cao tuổi*

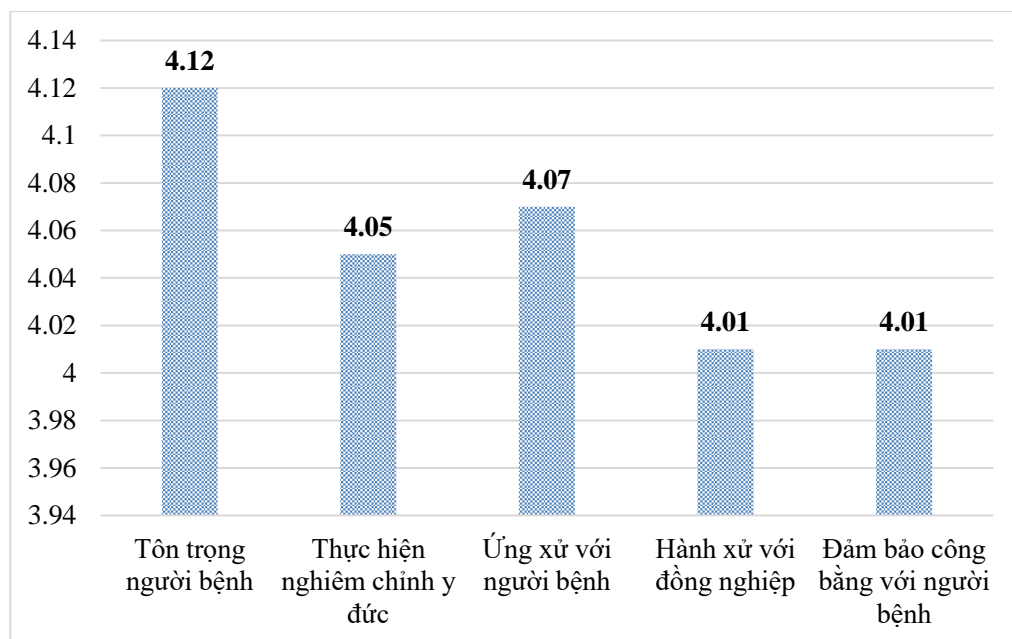
*KNGT5: Thể hiện kỹ năng giao tiếp và chuẩn bị tâm lý cho người bệnh và gia đình trước khi cung cấp thông tin xấu của người bệnh*

*KNGT6: Thực hiện giao tiếp và cộng tác hợp lý với lãnh đạo và đồng nghiệp trong chăm sóc người bệnh*

*KNGT7: Khả năng xử lý kịp thời áp lực tinh thần, thời gian, công việc*

Qua Biểu đồ 3 chúng ta thấy, về tự đánh giá kết quả đào tạo về thái độ, các sinh viên cảm thấy tự tin với thái độ khi tiếp xúc với bệnh nhân được đào tạo qua các năm học và thực tập (Mean:  $\geq 4,01$ ), trong đó việc “Tôn trọng phong tục, tập quán, tín ngưỡng và văn hóa của người bệnh” được sinh viên nhận định tự tin cao với điểm đánh giá là  $4,12 \pm 0,73$ .

Trong quá trình hoạt động chuyên môn ngành y thì nhân viên ngành y tế luôn phải thực hiện nghiêm túc 12 điều y đức. Trong sự phát triển của xã hội ngày nay, ngoài chuyên môn của bản thân thì cán bộ ngành y tế luôn phải có thái độ đúng mực và chuyên nghiệp đối với người bệnh, người nhà người bệnh và với đồng nghiệp. Do đó, chuẩn đầu ra về thái độ nghề nghiệp đối với các chuyên ngành đào tạo nói chung và đối với ngành y khoa nói riêng luôn được các cơ sở đào tạo quan tâm, chú trọng.



**Biểu đồ 3. Tự đánh giá kết quả đào tạo của người học về thái độ ngay sau khi hoàn thành khóa học**

### 3. Kết luận

Qua khảo sát 529 sinh viên năm cuối ngành y khoa về tự đánh giá kết quả đào tạo theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm học 2018 - 2019, chúng tôi đưa ra một số kết luận sau:

- Theo chuẩn đầu ra về kiến thức của ngành y khoa, các sinh viên tự đánh giá tự tin ở 6/14 chỉ tiêu.

- Về tự đánh giá kết quả đào tạo về kỹ năng sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên tự tin đối với 6/7 kỹ năng, trong đó “Lập hồ sơ bệnh án, không phân biệt đối xử trong thăm khám và điều trị” được sinh viên tự đánh giá với điểm khá cao (Mean: 4,05 ± 0,70).

- Tự đánh giá về kết quả đào tạo về kỹ năng giao tiếp và cộng tác, các sinh viên ngành y khoa cho rằng họ tự tin với 6/7 kỹ năng giao tiếp và cộng tác được đào tạo trong trường với các giá trị Mean ≥ 3,49.

- Sinh viên tự nhận định ở mức độ tự tin ở cả 5 chỉ tiêu khảo sát về mức độ đạt chuẩn thái độ khi tiếp xúc với bệnh nhân được đào tạo qua các năm học và thực tập (Mean: 4,01 ÷ 4,12).

Nghiên cứu được thực hiện bởi cuộc khảo sát cắt ngang trên sinh viên tại một thời điểm nên kết quả thu được còn nhiều hạn chế, do đó, cần thực mở rộng nghiên cứu trên các khóa học khác nhau, kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu để đánh giá năng lực của sinh viên một cách chính xác nhất từ đó Nhà trường có những biện pháp, giải pháp giải quyết kịp thời nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đạt chuẩn đầu ra và đáp ứng với nhu cầu của xã hội.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014. Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường Đại học, ban hành kèm theo Quyết định số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hà Nội.

- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017. Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, ban hành kèm theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hà Nội.
- [3] Đỗ Văn Đạt, Nguyễn Thị Bích Liên, 2016. “Giải pháp đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực trong đào tạo theo học chế tín chỉ cho sinh viên trường Đại học Sư phạm Hà Nội”. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, Tập 61, Số 8A, tr. 94-100.
- [4] Phạm Văn Hùng, Nguyễn Huy Hùng, Nguyễn Thị Thu Hương, 2018. “Đại học Thái Nguyên với hoạt động đánh giá đầu ra của chương trình đào tạo qua mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp”. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên*, Tập 179, Số 03, tr. 31-36.
- [5] Dương Thị Thúy Hà, 2016. “Rèn luyện kỹ năng tự đánh giá kết quả học tập cho sinh viên sư phạm”. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, Tập 61, Số 8, tr. 29-36.
- [6] Trường Đại học Y Dược Thái Bình, 2010. *Chuẩn đầu ra ngành Y Dược*. <http://tbump.edu.vn/index.php/vi/news/Chuan-dau-ra-nganh-Y-Duoc/Chuan-dau-ra-nganh-Y-Duoc-38.html>
- [7] Phạm Thị Hạnh, 2018. *Thực trạng dạy-học lâm sàng tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng và kết quả áp dụng thử nghiệm một số biện pháp can thiệp*. Luận án Tiến sĩ Y tế công cộng, trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

#### ABSTRACT

##### **Describe self-assessment of training results according to the learning output standards of Medical students at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy**

Le Xuan Hung

*Department of Scientific Management, Department of Health and Physics  
Thai Binh University of Medicine and Pharmacy*

The survey of self-assessment of training results notes the output standards of Medicine seniors at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy, the academic year 2018 - 2019. The study was conducted through a cross-sectional survey of 529 students. The results showed that students self-assessed to achieve 23 out of 33 skills according to the output competency standards. With the findings, the author makes some recommendations to improve the quality of graduates, meet the learning outcomes and the needs of society.

**Keywords:** self-assessment, students, medical students, output standards/ learning outcomes.